

Bản án số: 959/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Huỳnh Tố Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 25/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 703/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 196; Địa chỉ: 18/31D đường D, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 196; Địa chỉ: 18/31D đường D, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống vào năm 1987, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương theo Giấy đăng ký kết hôn số 14 ngày 02/4/2021. Sau khi cưới, vợ chồng ở tại Hải Dương cho đến năm 1990 thì chuyển vào sinh sống tại Kiên Giang, đến năm 2012 thì chuyển về sống tại phường S quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không tìm được tiếng nói chung, không thể hòa hợp, chia sẻ nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài đã ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống của cả hai và của các con. Do con còn nhỏ nên ông chưa nộp đơn ly hôn nay các con đã trưởng thành nên ông yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà T có hai người con chung tên Lê Xuân N, sinh ngày 28/3/1999 và Lê Thanh H, sinh ngày 27/8/2000. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, đang đi học, đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà T không có tài sản chung.

Về nợ chung : Ông và bà T không có nợ chung.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị T có bản tự khai trình bày ý kiến:

Bà xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như ông H trình bày.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có hai người con chung tên Lê Xuân N, sinh ngày 28/3/1999 và Lê Thanh H, sinh ngày 27/8/2000. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, đang đi học, đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H không có tài sản chung.

Về nợ chung : Bà và ông H không có nợ chung.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 02/4/2021 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp cho ông H và bà T thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà T có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông H yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông H có đơn đề ngày 01/8/2022, bà T có đơn đề ngày 25/7/2022 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H và bà T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông H yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà T xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông H và bà T.

- *Về quan hệ con chung:* Ông H và bà T xác nhận có hai con chung tên Lê Xuân N, sinh ngày 28/3/199 và Lê Thanh H, sinh ngày 27/8/200. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông H và bà T cùng xác nhận vợ chồng là không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông H và bà T cùng xác nhận vợ chồng là không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0035817 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T.

Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 02/4/2021 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp cho ông H và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: Có hai con chung tên Lê Xuân N, sinh ngày 28/3/199 và Lê Thanh H, sinh ngày 27/8/200. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Hai bên xác nhận không có.

- *Về nợ chung*: Hai bên xác nhận không có

2. Về án phí:

Ông H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0035817 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai